

Biểu mẫu 06
 (Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
 Bộ Giáo dục và Đào tạo)
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG Tiểu học Hồ Văn Huê
THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2018-2019

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1151	256	246	207	214	228
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	1151	256	246	207	214	228
III	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1	Tốt						
	a. Chăm học, chăm làm	1113	253	227	207	198	228
	b. Tự tin, trách nhiệm	1131	255	242	207	207	228
	c. Trung thực, kỉ luật	1142	256	243	207	208	228
	d. Đoàn kết, yêu thương	1150	255	246	207	214	228
2	Đạt						
	a. Chăm học, chăm làm	38	03	19	00	16	00
	b. Tự tin, trách nhiệm	12	01	04	00	07	00
	c. Trung thực, kỉ luật	09	00	03	06	00	00
	d. Đoàn kết, yêu thương	01	01	00	00	00	00
3	Cần cố gắng						
	a. Chăm học, chăm làm	00	00	00	00	00	00
	b. Tự tin, trách nhiệm	00	00	00	00	00	00
	c. Trung thực, kỉ luật	00	00	00	00	00	00
	d. Đoàn kết, yêu thương	00	00	00	00	00	00
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1	Tốt						
	a. Tự phục vụ, tự quản	1118	254	239	207	210	228
	b. Hợp tác	1138	255	238	207	210	228
	c. Tự học và giải quyết vấn đề	1108	250	229	207	194	228
2	Đạt						
	a. Tự phục vụ, tự quản	13	02	07	00	04	00
	b. Hợp tác	11	00	07	00	04	00
	c. Tự học và giải quyết vấn đề	41	05	16	00	20	00
3	Cần cố gắng						
	a. Tự phục vụ, tự quản	00	00	00	00	00	00
	b. Hợp tác	02	01	01	00	00	00
	c. Tự học và giải quyết vấn đề	02	01	01	00	00	00
V	Số học sinh chia theo chất lượng môn học:						
I	Tiếng Việt	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1032 (89.66%)	247 (96.5%)	200 (80%)	199 (96.1%)	178 (83.2%)	207 (90.8%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	117 (10.17%)	08 (3,1%)	45 (18.3%)	8 (3.9%)	36 (16.8%)	21 (9.2%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0,09%)	01 (0,4%)	01 (0.5%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)

2	Toán	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1060 (92.1%)	250 (97.7%)	222 (90.2%)	199 (96.1%)	177 (82.7%)	212 (93%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	90 (7.82%)	05 (2%)	24 (9.8%)	08 (3.9%)	37 (17.3%)	16 (7.0%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0.1%)	01 (0.4%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
3	Khoa học	442				214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	417 (94.34%)				189 (88.3%)	228 (100%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	24 (5.4%)				24 (11.2%)	00 (0%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.23%)				01 (05%)	00 (0%)
4	Lịch sử và Địa lí	442				214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	424 (95.9%)				197 (92.1%)	227 (99.6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	17 (3.9%)				16 (7.5%)	01 (0.4%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.23%)				01 (05%)	00 (0%)
5	Tin học	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1062 (92.27%)	245 (95.7%)	218 (88.6%)	198 (95.7%)	183 (85.5)	218 (95.6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	89 (7.73%)	11 (4.3%)	28 (11.4%)	09 (4.3%)	31 (14.5%)	10 (4.4%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
6	Đạo đức	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1137 (98.8%)	253 (98.8%)	236 (95.9%)	207 (100%)	213 (99.5%)	228 (100%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	14 (3.1%)	03 (12%)	10 (3.9%)	00 (0%)	01 (0.5%)	00 (0%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
7	Tự nhiên và Xã hội	709	256	246	207		
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	691 (97.46%)	253 (98.8%)	231 (93.9%)	207 (100%)		
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	18 (2.54%)	03 (1.2%)	15 (6.1%)	00 (0%)		
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)		
8	Âm nhạc	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1055 (91.7%)	252 (98.4%)	218 (88.6%)	200 (96.6%)	185 (86.4%)	200 (87.7%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	96 (8.34%)	4 (1.6%)	28 (11.4%)	7 (3.4%)	29 (13.6%)	28 (12.3%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
9	Mĩ thuật	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1120 (97.3%)	252 (98.4%)	226 (91.9%)	206 (99.5%)	209 (97.7%)	227 (99.6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	31 (2.69%)	04 (1.6%)	20 (8.1%)	01 (0.5%)	05 (2.3%)	01 (0.4%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
10	Thủ công (Kỹ thuật)	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1110 (96.44%)	247 (96.5%)	236 (95.9%)	205 (99%)	196 (91.6%)	226 (99.1%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	41 (3.56%)	09 (3.5%)	10 (4.1%)	02 (1%)	18 (8.4%)	02 (0.9%)

c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
11	Thể dục	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1139 (98.96%)	253 (98.8%)	240 (97.6%)	206 (99.5%)	212 (99.1%)	228 (100%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	12 (1.04%)	03 (1.2%)	06 (2.4%)	01 (0.5%)	02 (0.9%)	00 (0%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
12	Ngoại ngữ	1151	256	246	207	214	228
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1080 (93.83%)	240 (93.8%)	235 (95.5%)	198 (95.7%)	189 (88.3%)	218 (95.6%)
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	71 (6.17%)	16 (6.2%)	11 (4.5%)	09 (4.3%)	25 (1.7%)	10 (4.4%)
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	1151	256	246	207	214	228
1	Hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	1148 (99,7%)	255 (99,6%)	245 (99.6%)	207 (100%)	213 (99.5%)	228 (100%)
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	1148 (99,7%)	255 (99,6%)	245 (99.6%)	207 (100%)	213 (99.5%)	228 (100%)
3	Kiểm tra lại lần 1 (tỷ lệ so với tổng số)	03 (0,09%)	01 (0,4%)	01 (0.1%)	00 (0%)	01 (0.5%)	00 (0%)
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)
VII	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)	228 (100%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	00 (0%)	228 (100%)

Phủ Nhuận, ngày 01 tháng 6 năm 2019



Trương Quốc Hưng

